

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/DS-ST
Ngày: 10/7/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Tứ Nhị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phương Lan
2. Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 7 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 195/2025/TLST-DS ngày 18/3/2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2025/QĐXXST - DS ngày 26/5/2025 (Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2025/QĐST – DS ngày 17/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: quận 3, TPHCM

Người đại diện ủy quyền: Ông Dương Tấn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: quận Bình Thạnh, TPHCM

Giấy ủy quyền lập ngày 07/10/2024;

Bị đơn: Ông Lê Thành Đ, sinh ngày 07/02/1996

Giấy chứng minh nhân dân số ---, cấp ngày 08/5/2014

Địa chỉ: huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

Nơi cư trú cuối cùng: quận Gò Vấp, TPHCM

(Nay là phường Thông Tây Hội, thành phố Hồ Chí Minh)

(Đại diện nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng A và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

1/ Ngày 22/08/2019 ông Lê Thành Đ ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng A. Căn cứ thu nhập của ông Lê Thành Đ, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng số 472074 – 0135 với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng để ông Đ tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Đ thực hiện nhiều giao dịch với tổng số tiền 60.771.333 đồng, đã thanh toán số tiền 63.022.874 đồng bao gồm thứ tự thanh toán là nợ gốc, lãi, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức. Dư nợ gốc và lãi còn lại là 5.226.124 đồng ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, ngày 23/06/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn hàng tháng trên dư nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng X 150% = 3.9%/tháng lãi quá hạn). Tháng 11/2022 ông Đ thanh toán hết nợ gốc là 5.226.124 đồng. Nợ lãi quá hạn còn lại chưa thanh toán là 876.436 đồng.

2/ Ngày 25/12/2021 ông Lê Thành Đ thực hiện đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng S.P số tiền là 12.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân. Sau khi ngân hàng giải ngân ông Đ đã sử dụng toàn bộ số tiền này, chỉ thanh toán nợ gốc và lãi được 3.240.000 đồng. Ngân hàng đã nhắc nhở nhưng ông Đ không có thiện chí trả nợ. Do ông Lê Thành Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/06/2022 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 10.690.000 đồng sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 1.55%/tháng x 150% = 2.33%/tháng, theo thỏa thuận tại Bản Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng S.P. Tháng 11/2022 ông Đ thanh toán thêm một phần nợ gốc nên dư nợ gốc còn 9.710.000 đồng + lãi quá hạn 8.459.835 đồng = 18.169.835 đồng.

Như vậy, tổng cả hai khoản vay: 876.436 đồng + 18.169.835 đồng = 19.046.271 đồng. Các dư nợ tạm tính đến ngày 10/7/2025. Ngân hàng yêu cầu ông Lê Thành Đ có trách nhiệm thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; Đồng thời tiếp tục thanh toán lãi phát sinh cho đến khi thi hành án xong theo thỏa thuận của hợp đồng.

Ông Lê Thành Đ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đến tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ không đến. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có nộp bản tự khai, bảng kê dư nợ gốc và lãi chưa thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm như nêu trên.

Bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Đảm bảo thời hạn xét xử, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu đúng quy định tại Điều 203, khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy có cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Bị đơn vay tiền của nguyên đơn để phục vụ nhu cầu tiêu dùng nên xác định giữa bị đơn và nguyên đơn có giao kết hợp đồng dân sự vay tài sản thông qua hình thức cấp tín dụng nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 100 Luật Tổ chức tín dụng năm 2024.

Đối với bị đơn là ông Lê Thành Đ, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn tại nơi đăng ký thường trú, kết quả thể hiện: “Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1996 đăng ký thường trú tại huyện Giá Rai (nay là khóm 1, phường 1, thị xã Giá Rai), tỉnh Bạc Liêu, đã bỏ địa phương đi nơi khác sống từ năm 2017 cho đến nay”, và tài liệu chứng cứ về tình trạng cư trú của bị đơn tại nơi đăng ký tạm trú thể hiện: “Ông Lê Thành Đ, sinh năm 1996 không còn cư trú tại địa chỉ quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh”.

Điều này cho thấy người khởi kiện cung cấp đầy đủ, đúng địa chỉ cư trú của người bị kiện nhưng người bị kiện thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú. Thể hiện mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ của bị đơn. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại nơi cư trú cuối cùng là quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, điều này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng không đảm bảo việc cấp, tổng đạt, thông báo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nên Tòa án đã thực hiện việc đăng tin theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2 Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Đương sự không đến tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án là đã tước bỏ quyền được chứng minh của mình, đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung quy định tại khoản 4 Điều 91; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của các đương sự:*

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/8/2019, Bản Điều khoản và Điều kiện vay tiêu dùng trên ứng dụng S.P ngày 25/12/2021 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở để khẳng định: Nguyên đơn có cấp tín dụng cho bị đơn để tiêu dùng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến thời điểm xét xử, dư nợ gốc và lãi của cả hai khoản tín dụng chưa thanh toán là 19.046.271 đồng.

Xét thấy, nguyên đơn đã tính đúng về nợ gốc và lãi, nội dung yêu cầu của nguyên đơn được các bên tự nguyện thỏa thuận tại Hợp đồng và Bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A. Chủ thể ký kết nội dung và hình thức giao kết phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc các bên phải thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận. Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi, phí theo thỏa thuận giữa hai bên được ký kết trong hợp đồng tính từ thời điểm xét xử cho đến khi thi hành án xong.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu

cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[4] Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[5] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp với phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, 118, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng A đối với bị đơn là ông Lê Thành Đ.

Buộc ông Lê Thành Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 19.046.271 đồng (Mười chín triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm bảy mươi một đồng) trong đó nợ gốc 9.710.000 đồng (chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng) và nợ lãi quá hạn 9.336.271 đồng (chín triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm bảy mươi một đồng).

Ông Lê Thành Đ còn phải tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Thành Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 952.313 đồng (chín trăm năm mươi hai ngàn ba trăm mười ba đồng).

- Hoàn tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng A là 424.234 đồng (bốn trăm hai mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 0056733, ký hiệu

BLTU/24P ngày 20/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo và kháng nghị bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND KV7;
- PTHADS KV7;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lê Tứ Nhị